

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út;

2. Bà Mai Hồng Thắm.

- AT ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - AT ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị BT, sinh năm 1994, tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D sinh năm 1960 và bà Trần Thị H sinh năm 1964; Anh chị em ruột có 04 người, bị can là người nhỏ nhất trong gia đình; Chồng Quảng Văn B sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 02 con lớn sinh 2012 và nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo Nguyễn Thị BT bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2021 đến nay. (có mặt)

** Người bị hại:* Chị Hà Thị Anh T, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

** Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang;.

2. Chị Hứa Thị Cẩm D, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Anh Ngô Nhật T, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị BT và Hà Thị AT là Công nhân làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn NV APPAREL tại khu công nghiệp Bình Hòa thuộc Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Khoảng 13 giờ ngày 23/6/2021, T đang làm việc tại Công ty thì thấy AT để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng gold, bên trong có gắn sim số 0986467561, dưới tủ bàn làm việc, rồi AT đi qua bàn làm việc của Hứa Thị Cẩm D cách bàn làm việc của AT khoảng 05 mét để cất vải, T đi đến vị trí AT để điện thoại lên lút lấy trộm điện thoại cất giấu vào trong áo lót; Khoảng 15 phút sau AT quay lại bàn làm việc phát hiện mất điện thoại và có tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm được. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T mang điện thoại di động trộm cắp được đến cửa hàng điện máy xanh tại khóm Vĩnh Lộc, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nhờ Ngô Nhật Trường là nhân viên cửa hàng điện máy xanh đăng xuất tài khoản Icloud nhưng Trường không đồng ý, nên T đem điện thoại về nhà tại Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang cất giấu. Ngày 24/6/2021, AT đến Công an xã Bình Hòa trình báo vụ việc, sau đó Công an xã Bình Hòa mời T làm việc thì T thừa nhận hành vi trộm cắp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max của T và giao nộp điện thoại cho cơ quan Công an.

* *Vật chứng thu giữ*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng gold, dung lượng 256GB, số máy: MT5F2LL/A, số serial: F2LX9CBSKPHJ, số Imei: 357279090027367, bên trong có gắn sim số 0986467561 (đã trao trả cho bị hại Hà Thị AT).

* *Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 54/KL.ĐG ngày 01/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Châu Thành, tỉnh An Giang, kết luận*:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng gold, dung lượng 256GB, số máy: MT5F2LL/A, số serial: F2LX9CBSKPHJ, số Imei: 357279090027367, trị giá 14.000.000 đồng x 90% = 12.600.000 đồng;

- 01 sim số 0986467561, giá trị là 100.000 đồng x 100% = 100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Cáo trạng số: 37/CT-VKSTS-HS ngày 01/10/20221 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị BT về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị BT khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Hà Thị AT như nội dung vụ án được tóm tắt.

Bị hại chị Hà Thị AT trình bày: Chị bị mất tài sản như bị cáo khai. Hiện tại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, khẳng định hành vi của bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù có thể cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm.

Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị BT thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức được lỗi lầm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội, thấy:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các biên bản của hoạt động tố tụng, thể hiện: Do cùng làm chung Công ty và bộ phận nên biết chị Hà Thị AT có điện thoại di động và AT để trong học tủ bàn làm việc, lợi dụng lúc chị AT đi sang bàn làm việc của chị Hứa Thị Cẩm D phụ tiếp việc cắt vải và không quan sát được tài sản nên bị cáo đã lén lút kéo tủ bàn làm việc, lấy điện thoại bỏ vào áo lót và sau đó mang về nhà cất giấu nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo lợi dụng chủ sở hữu sơ hở, mất cảnh giác, lén lút trộm cắp tài sản là có lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại là chiếc điện thoại có giá trị là 12.700.000 đồng, do đó bị cáo Nguyễn Thị BT đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là công dân khỏe mạnh có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, đang là Công nhân tại công ty có thu nhập ổn định; Lẽ ra, phải chăm lo lao động và tích lũy tài sản nhưng vì có lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội là lấy trộm điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong môi trường làm việc tập thể và ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương nên cần

phải được trừng trị để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa những hành vi phạm tội có thể xảy ra trong những trường hợp khác.

[3] Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đang là Công nhân thuộc thành phần lao động, đã ly hôn và hiện tại đang nuôi con nhỏ, bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo khi xem xét mức hình phạt. Trong thời gian được tại ngoại bị cáo thực hiện đúng nghĩa vụ, chấp hành tốt chính sách và pháp luật địa phương, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội bằng việc bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội nhưng cần phải ấn định thời gian thử thách hợp lý để răn đe bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng gold, dung lượng 256GB, số máy: MT5F2LL/A, số serial: F2LX9CBSPHJ, số Imei: 357279090027367, bên trong có gắn sim số 0986467561, đây là tài sản của bị hại và đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trao trả cho chị Hà Thị AT là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo Nguyễn Thị BT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị BT phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị BT 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/11/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị BT cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban ATòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị BT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án; Riêng bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

(Hội đồng xét xử đã giải thích thêm cho người được hưởng án treo biết về quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hoàng Huy Hùng